



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

THÔNG BÁO

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) kính mời Quý cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty như sau:

Thời gian: 08 giờ 30 phút, Thứ Năm, ngày 18 tháng 06 năm 2020.

Địa điểm: Tại Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Nội dung chính của Đại hội:

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty;
- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019;
- Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2019;
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020;
- Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2020;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều kiện tham dự Đại hội: Cổ đông sở hữu cổ phiếu theo danh sách cổ đông chốt ngày 03/6/2020.

Đăng ký tham dự: Để công tác tổ chức được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông thực hiện thủ tục xác nhận tham dự hoặc uỷ quyền người khác tham dự Đại hội theo mẫu Uỷ quyền gửi kèm thư mời và gửi về trụ sở chính của Công ty theo đường bưu điện hoặc gửi fax đến Công ty trước 17 giờ ngày 16/6/2020.

Cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau: Thư mời họp, giấy uỷ quyền tham dự Đại hội (trường hợp nhận uỷ quyền tham dự Đại hội), CMND/ Hộ chiếu còn hiệu lực.

Các tài liệu liên quan đến Đại hội: Kính mời Quý cổ đông xem Chương trình chi tiết và các tài liệu dự họp được đăng tải trên trang web của Công ty tại địa chỉ: www.vinhhao.com.vn.

Mọi chi tiết liên quan đến đại hội, Quý Cổ đông xin vui lòng liên lạc:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

GCN ĐKKD số: 3400178402, do Phòng ĐKKD-Sở KH&ĐT tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 09/3/1995 (được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm).

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

Người liên hệ: Cô Đỗ Thị Hoàng Yến – Điện thoại: 028.62563862 – Ext: 5201 Fax: 028.38274115

Tỉnh Bình Thuận, ngày 08 tháng 06 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT

(Đã ký, đóng dấu)

PHẠM HỒNG SON



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN DỰ HỌP

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Tên cổ đông:
Mã cổ đông:
CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú/ Trụ sở chính:
Điện thoại: Fax: Email:
Số cổ phần sở hữu: cổ phần

Bằng văn bản này tôi/ chúng tôi ủy quyền cho:

Ông/ Bà: Năm sinh:
CMND/ Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:

được quyền thay mặt tôi/ chúng tôi tham dự và biểu quyết trên cổ phần đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của cổ đông trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tổ chức ngày 18/6/2020 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.

Văn bản ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký và hết hiệu lực khi kết thúc phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty như đã nêu trên.

Tôi/ Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này.

....., ngày tháng năm 2020

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(ký ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(ký ghi rõ họ tên – đóng dấu nếu là tổ chức)

.....

.....



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
(Ngày 18 tháng 06 năm 2020)

STT	CHƯƠNG TRÌNH	THỜI GIAN
1	Đón khách và kiểm tra tư cách Đại biểu	8h30' – 9h00'
2	Khai mạc cuộc họp	9h00' – 9h05'
3	- Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu - Bầu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu - Thông qua nguyên tắc làm việc của Đại hội	9h05' – 9h20'
4	Thông qua Chương trình họp	9h20' – 9h25'
5	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	9h25' – 9h40'
6	Báo cáo của Ban Kiểm soát	9h40' – 9h50'
7	Báo cáo của Tổng Giám đốc	9h50' – 10h05'
8	Đề xuất của Hội đồng Quản trị về: - Phương án phân chia lợi nhuận năm 2019; - Kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2020; - Kế hoạch kinh doanh năm 2020; - Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2020; - Thù lao của HĐQT, BKS năm 2020; - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	10h05' – 10h20'
9	Biểu quyết thông qua các nghị quyết của Đại hội	10h20' – 10h25'
10	Nghỉ giải lao	10h25' – 10h35'
11	Phát biểu ý kiến và thảo luận	10h35' – 10h45'
12	Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	10h45' – 10h50'
13	Đọc Biên bản họp Bế mạc cuộc họp	10h50' – 11h00'



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
(Ngày 18 tháng 06 năm 2020)

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo được tiến hành khi có số cổ đông/ người ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 03/6/2020 (được cập nhật đến ngày tổ chức Đại hội).
2. Đại hội đồng cổ đông làm việc theo chương trình, nội dung đã được thông qua.
3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp, được phát 3 Phiếu biểu quyết, gồm:
 - Phiếu biểu quyết giơ tay: Biểu quyết bằng hình thức giơ phiếu, không thu vào thùng phiếu.
 - Phiếu biểu quyết số 1: Biểu quyết thông qua các vấn đề in sẵn trong Phiếu biểu quyết.
 - Phiếu biểu quyết số 2: Dùng để biểu quyết khi phát sinh vấn đề mới tại Đại hội cần phải bỏ phiếu kín.
4. Cổ đông kiểm tra lại số lượng Phiếu biểu quyết được nhận và các thông tin ghi trên Phiếu biểu quyết (đặc biệt là tổng số phiếu biểu quyết), nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức để được cấp lại Phiếu biểu quyết chính xác.
5. Đoàn Chủ tịch có quyền điều hành Đại hội theo quy định pháp luật và cổ đông dự họp có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và quyết định của Đoàn Chủ tịch.
6. Cổ đông bỏ ra về khi chưa hết chương trình Đại hội thì coi như cổ đông đó tự ý từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình tại Đại hội từ thời điểm đó.
7. Cổ đông đến muộn sẽ được tham gia biểu quyết các vấn đề phát sinh sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp Đại hội.
8. Cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến đề nghị đăng ký với Ban tổ chức Đại hội hoặc giơ tay. Chủ tọa sẽ mời từng cổ đông phát biểu. Đề nghị cổ đông không phát biểu những nội dung không liên quan đến chương trình họp đã được Đại hội thông qua.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 06 năm 2020

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Điều lệ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo xin công bố thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty như sau:

1. Phiếu biểu quyết:

Ban tổ chức phát hành 02 loại Phiếu biểu quyết, gồm:

- 1.1. Phiếu biểu quyết giơ tay: để biểu quyết một số vấn đề thông thường theo đề nghị của Đoàn Chủ tịch tại cuộc họp và không phải thu vào thùng phiếu.
- 1.2. Phiếu biểu quyết lựa chọn (lựa chọn: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến): để biểu quyết về vấn đề quan trọng trình xin ý kiến Đại hội theo báo cáo, đề nghị của Đoàn Chủ tịch tại cuộc họp và được thu vào thùng phiếu.

2. Cách thức biểu quyết:

- 2.1. **Đối với Phiếu biểu quyết giơ tay:** biểu quyết theo phổ thông đầu phiếu.

Đối với một số vấn đề thông thường như bầu Ban kiểm phiếu; thông qua Chương trình họp, Nghị quyết của Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp giơ Phiếu biểu quyết giơ tay khi Đoàn Chủ tịch lần lượt đề nghị biểu quyết: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến.

- 2.2. **Đối với Phiếu biểu quyết lựa chọn** (lựa chọn: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến): biểu quyết theo số cổ phần đại diện.

2.2.1 Đề nghị cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đánh dấu V hoặc X vào **một** trong 03 ô cần biểu quyết: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến.

2.2.2 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp không đánh dấu vào bất kỳ ô nào hoặc không bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu thì được xem là **Không có ý kiến**.

- 2.3. Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để xin cấp lại phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại phiếu cũ.

3. Nguyên tắc xác định Phiếu biểu quyết hợp lệ và Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

3.1. Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra có đóng dấu của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định;
- Đối với Phiếu biểu quyết dưới hình thức lựa chọn (Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến) chỉ được đánh dấu V hoặc X vào **một** trong 03 ô cần biểu quyết: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến.

3.2. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu biểu quyết không phải do Ban tổ chức phát ra; hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định.
- Đánh dấu nhiều hơn một sự lựa chọn trong ba hình thức lựa chọn: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến đối với Phiếu biểu quyết dưới hình thức lựa chọn; hoặc đánh dấu khác dấu X hoặc V.

4. Nguyên tắc thu, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu:

4.1. Sau khi biểu quyết, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu đã được niêm phong. Để việc kiểm phiếu được nhanh chóng, đề nghị Quý cổ đông không gấp, vò các Phiếu biểu quyết khi bỏ vào thùng phiếu. Việc thu Phiếu biểu quyết kết thúc khi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có mặt tại cuộc họp đã cho Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu hoặc khi kết thúc thời hạn thu Phiếu biểu quyết do Ban kiểm phiếu và bầu cử thông báo.

4.2. Thủ tục kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu.

4.3. Kết quả kiểm phiếu được lập thành Biên bản có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung chính theo quy định pháp luật và được công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Thông qua quyết định của Đại hội:

Quyết định của Đại hội được thông qua dưới hình thức biểu quyết khi đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty:

5.1. Đối với (A) loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại của Công Ty, (B) thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công Ty, (C) thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty, (D) quyết định đầu tư, quyết định giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty, và (E) tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty: có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp chấp thuận.

5.2. Các vấn đề khác: có ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt trực tiếp hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp chấp thuận.

6. Khiếu nại về việc biểu quyết và kiểm phiếu:

- Mọi khiếu nại, thắc mắc về việc biểu quyết và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu giải quyết trong trường hợp khiếu nại, thắc mắc được nêu trước khi Biên bản họp được công bố.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3400178402

ngày 9 tháng 3 năm 1995

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 6 tháng 5 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Sơn
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Đình Toại
Ông Nguyễn Trọng Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Hiền
Ông Bùi Đức Anh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo
Huyện Tuy Phong
Tỉnh Bình Thuận
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.


Đại diện Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Thuận, ngày 7 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghé Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00434-20-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		465.488.978.660	316.058.556.934
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	125.430.190.593	148.259.253.808
Tiền	111		2.430.190.593	2.259.253.808
Các khoản tương đương tiền	112		123.000.000.000	146.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		308.455.753.344	133.766.533.690
Phải thu của khách hàng	131	5	298.022.928.665	113.084.879.221
Trả trước cho người bán	132		8.934.125.564	18.847.615.619
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(a)	1.498.699.115	1.834.038.850
Hàng tồn kho	140	7	29.512.533.899	32.183.539.930
Hàng tồn kho	141		30.375.654.308	34.399.159.065
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(863.120.409)	(2.215.619.135)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.090.500.824	1.849.229.506
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		653.604.327	417.518.787
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.436.896.497	1.431.710.719
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		498.177.753.871	508.769.869.828
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.689.037.925	1.408.926.791
Phải thu dài hạn khác	216	6(b)	3.689.037.925	1.408.926.791
Tài sản cố định	220		478.256.766.422	485.205.184.068
Tài sản cố định hữu hình	221	8	197.455.834.437	184.641.814.909
Nguyên giá	222		403.309.281.186	362.383.359.102
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(205.853.446.749)	(177.741.544.193)
Tài sản cố định vô hình	227	9	280.800.931.985	300.563.369.159
Nguyên giá	228		368.051.188.068	368.237.660.068
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.250.256.083)	(67.674.290.909)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.201.585.722	11.589.626.552
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	5.201.585.722	11.589.626.552
Tài sản dài hạn khác	260		11.030.363.802	10.566.132.417
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.554.745.574	9.992.795.985
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	475.618.228	573.336.432
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		963.666.732.531	824.828.426.762

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*((Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính))*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		160.816.395.197	181.180.809.763
Nợ ngắn hạn	310		80.739.917.472	93.836.291.896
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	36.518.523.028	47.812.884.486
Người mua trả tiền trước	312		22.888.107	79.270.242
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	20.036.039.499	19.584.225.082
Chi phí phải trả	315	15	22.318.800.525	14.283.648.428
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.086.956.297	1.281.498.370
Vay ngắn hạn	320	17	-	10.038.055.272
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		756.710.016	756.710.016
Nợ dài hạn	330		80.076.477.725	87.344.517.867
Phải trả người bán dài hạn	331	13	31.012.774.000	34.357.772.000
Phải trả dài hạn khác	337		218.434.000	218.434.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	12	45.821.195.397	49.623.823.617
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.024.074.328	3.144.488.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	18	802.850.337.334	643.647.616.999
Vốn chủ sở hữu	410	18	802.850.337.334	643.647.616.999
Vốn cổ phần	411	19	131.000.000.000	131.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	14.208.000.000	14.208.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.756.439.018	1.756.439.018
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		655.882.377.372	496.679.285.497
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		496.679.285.497	415.838.768.751
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		159.203.091.875	80.840.516.746
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.520.944	3.892.484
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		963.666.732.531	824.828.426.762

Ngày 7 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Vuông Sau Nhộc
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	845.396.351.190	688.461.004.059
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	2.263.890.751	3.214.944.133
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	843.132.460.439	685.246.059.926
Giá vốn hàng bán	11	22	607.075.436.915	542.066.864.113
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		236.057.023.524	143.179.195.813
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.910.737.547	4.938.001.861
Chi phí tài chính	22	24	2.205.622.839	1.489.218.994
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.023.723.653	1.469.567.444
Chi phí bán hàng	25		7.102.039.884	5.826.670.028
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	41.774.112.036	38.757.908.475
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		188.885.986.312	102.043.400.177
Thu nhập khác	31		237.000.427	344.092.182
Chi phí khác	32		487.435.577	963.377.865
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(250.435.150)	(619.285.683)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		188.635.551.162	101.424.114.494
Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	27	33.137.740.843	20.033.556.244
(Lợi ích)/ chi phí thuế TNDN – hoãn lại	52	27	(3.704.910.016)	550.420.270
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		159.202.720.335	80.840.137.980

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)	60		159.202.720.335	80.840.137.980
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		159.203.091.875	80.840.516.746
Cổ đông không kiểm soát	62		(371.540)	(378.766)

Ngày 7 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Voong Sau Nhoc
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	188.635.551.162	101.424.114.494
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	54.292.594.735	53.140.324.319
Các khoản dự phòng	03	(1.472.912.648)	4.468.946.655
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.006.344.632)	(4.499.591.662)
Chi phí lãi vay	06	2.023.723.653	1.469.567.444
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	239.472.612.270	156.003.361.250
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09	(177.557.205.044)	(70.392.433.733)
Biến động hàng tồn kho	10	4.023.504.757	16.396.910.125
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(3.680.568.937)	(64.873.816.895)
Biến động chi phí trả trước	12	4.269.230.994	4.494.611.874
		66.527.574.040	41.628.632.621
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.088.456.888)	(1.566.315.532)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(32.704.905.923)	(13.345.133.607)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	31.734.211.229	26.717.183.482
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(48.733.796.326)	(23.482.690.519)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	144.490.909	335.090.909
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.064.086.245	4.857.465.482
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(44.525.219.172)	(18.290.134.128)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	123.170.491.909	112.047.374.650
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(133.208.547.181)	(129.124.904.113)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(10.038.055.272)	(17.077.529.463)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(22.829.063.215)	(8.650.480.109)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	148.259.253.808	156.909.733.917
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	125.430.190.593	148.259.253.808

Ngày 7 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Voòng Sau Nhộc
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Hiền
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn, nước khoáng và sản xuất bao bì nhựa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 1 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2019: 1 công ty con sở hữu trực tiếp). Chi tiết thông tin của công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm vốn cổ phần và quyền biểu quyết tại ngày	
			31/12/2019	1/1/2019
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	99,99%	99,99%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 395 nhân viên (1/1/2019: 413 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ các báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 - 30 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 15 năm

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 5 năm.

(iii) Nhãn hiệu

Giá mua của nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iv) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 19 năm.

(v) Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 đến 30 năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền tài kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá.

Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay ngân hàng và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng	2.430.190.593	2.259.253.808
Các khoản tương đương tiền	123.000.000.000	146.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	<u>125.430.190.593</u>	<u>148.259.253.808</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc 3 tháng hoặc thấp hơn kể từ ngày giao dịch.

5. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu từ các bên liên quan	297.962.126.614	112.835.520.844

Xem thêm Thuyết minh 28 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	140.205.479	339.330.137
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	560.000.000	500.000.000
Phải thu khác	798.493.636	994.708.713
	1.498.699.115	1.834.038.850

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các khoản ký quỹ dài hạn	3.689.037.925	1.408.926.791

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	157.964.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	11.127.755.145	(181.522.454)	15.680.237.169	-
Công cụ và dụng cụ	19.087.272.283	(681.597.955)	18.717.717.004	(2.215.619.135)
Hàng hóa	2.662.880	-	1.204.892	-
	30.375.654.308	(863.120.409)	34.399.159.065	(2.215.619.135)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	2.215.619.135	138.745.522
Tăng dự phòng trong năm	199.920.254	2.778.244.780
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(701.371.167)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.552.418.980)	-
Số dư cuối năm	863.120.409	2.215.619.135

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	123.042.171.539	3.584.700.445	227.805.501.300	7.950.985.818	362.383.359.102
Tăng trong năm	-	-	30.000.000	-	30.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.207.322.165	908.166.390	35.201.796.398	-	47.317.284.953
Thanh lý	-	-	(6.375.009.869)	-	(6.375.009.869)
Xóa sổ	-	-	(46.353.000)	-	(46.353.000)
Số dư cuối năm	134.249.493.704	4.492.866.835	256.615.934.829	7.950.985.818	403.309.281.186
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	50.214.065.034	2.525.141.658	119.930.796.151	5.071.541.350	177.741.544.193
Khấu hao trong năm	10.339.411.930	742.762.072	22.813.015.055	638.076.368	34.533.265.425
Thanh lý	-	-	(6.375.009.869)	-	(6.375.009.869)
Xóa sổ	-	-	(46.353.000)	-	(46.353.000)
Số dư cuối năm	60.553.476.964	3.267.903.730	136.322.448.337	5.709.617.718	205.853.446.749
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	72.828.106.505	1.059.558.787	107.874.705.149	2.879.444.468	184.641.814.909
Số dư cuối năm	73.696.016.740	1.224.963.105	120.293.486.492	2.241.368.100	197.455.834.437

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 43.227 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 28.738 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	24.429.749.720	673.088.000	500.000.000	279.300.000.000	63.334.822.348	368.237.660.068
Xóa sổ	-	(186.472.000)	-	-	-	(186.472.000)
Số dư cuối năm	24.429.749.720	486.616.000	500.000.000	279.300.000.000	63.334.822.348	368.051.188.068
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5.123.751.829	617.494.549	220.833.335	49.288.235.292	12.423.975.904	67.674.290.909
Khấu hao trong năm	949.653.803	52.485.587	50.000.000	16.429.411.764	2.277.778.156	19.759.329.310
Xóa sổ	-	(183.364.136)	-	-	-	(183.364.136)
Số dư cuối năm	6.073.405.632	486.616.000	270.833.335	65.717.647.056	14.701.754.060	87.250.256.083
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	19.305.997.891	55.593.451	279.166.665	230.011.764.708	50.910.846.444	300.563.369.159
Số dư cuối năm	18.356.344.088	-	229.166.665	213.582.352.944	48.633.068.288	280.800.931.985

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 587 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 490 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND
Số dư đầu năm	11.589.626.552
Tăng trong năm	45.996.510.246
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(47.317.284.953)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.067.266.123)
Số dư cuối năm	5.201.585.722

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Nhà cửa	1.266.277.602	1.664.142.310
Máy móc và thiết bị	3.935.308.120	9.339.098.982
Khác	-	586.385.260
	5.201.585.722	11.589.626.552

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	9.992.795.985
Tăng trong năm	1.641.950.578
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.067.266.123
Phân bổ trong năm	(5.665.123.112)
Thanh lý	(482.144.000)
Số dư cuối năm	10.554.745.574

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2019		1/1/2019	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí phải trả khác	475.618.228	-	573.336.432	-
Tài sản cố định hữu hình và vô hình	-	45.821.195.397	-	49.623.823.617
	475.618.228	45.821.195.397	573.336.432	49.623.823.617

13. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2019 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2019 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	36.518.523.028	47.812.884.486
Dài hạn	31.012.774.000	34.357.772.000

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải trả các bên liên quan	14.883.988.091	20.855.770.961

Xem thêm Thuyết minh 28 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ của công ty mẹ và các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ VND	31/12/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.175.817.023	33.137.740.843	(32.704.905.923)	-	16.608.651.943
Thuế giá trị gia tăng	2.929.043.798	84.513.288.429	(29.542.724.436)	(54.957.827.707)	2.941.780.084
Thuế thu nhập cá nhân	47.768.062	505.555.654	(482.001.838)	-	71.321.878
Các loại thuế khác	431.596.199	7.619.749.903	(7.637.060.508)	-	414.285.594
	19.584.225.082	125.776.334.829	(70.366.692.705)	(54.957.827.707)	20.036.039.499

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Thưởng và lương tháng 13	7.560.363.782	6.005.767.929
Phí gia công phải trả	6.906.860.081	3.731.848.752
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	5.008.197.241	2.080.711.429
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	484.568.100	230.420.000
Chi phí lãi vay	-	64.733.235
Chi phí khác	2.358.811.321	2.170.167.083
	22.318.800.525	14.283.648.428

16. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Kinh phí cộng đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	187.735.854	161.018.564
Ký quỹ ngắn hạn	-	202.334.495
Các khoản phải trả khác	899.220.443	918.145.311
	1.086.956.297	1.281.498.370

17. Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	10.038.055.272	123.170.491.909	133.208.547.181	-

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển (*) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	415.838.768.751	4.271.250	562.807.479.019
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	80.840.516.746	(378.766)	80.840.137.980
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	496.679.285.497	3.892.484	643.647.616.999
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	159.203.091.875	(371.540)	159.202.720.335
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	131.000.000.000	14.208.000.000	1.756.439.018	655.882.377.372	3.520.944	802.850.337.334

(*) Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông. Quỹ được thành lập cho mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.100.000	131.000.000.000	13.100.000	131.000.000.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.100.000	131.000.000.000	13.100.000	131.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		14.208.000.000		14.208.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	2.339.611.134	1.114.128.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	9.358.444.536	-
Trên 5 năm	7.213.800.997	-
	18.911.856.667	1.114.128.000

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.487.614.000	2.376.483.807
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	5.103.336.900	49.146.784.940
	7.590.950.900	51.523.268.747

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	733.448.074.544	556.144.903.098
▪ Doanh thu khác	111.948.276.646	132.316.100.961
	845.396.351.190	688.461.004.059
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	2.723.547.258
▪ Hàng bán bị trả lại	2.263.890.751	491.396.875
	2.263.890.751	3.214.944.133
Doanh thu thuần	843.132.460.439	685.246.059.926

22. Giá vốn hàng bán

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Bán thành phẩm	547.999.663.393	466.470.816.707
▪ Giá vốn khác	60.428.272.248	72.817.802.626
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.352.498.726)	2.778.244.780
	607.075.436.915	542.066.864.113

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.864.961.587	4.847.511.175
Lãi chênh lệch tỷ giá	45.775.960	90.490.686
	3.910.737.547	4.938.001.861

24. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	2.023.723.653	1.469.567.444
Lỗ chênh lệch tỷ giá	181.899.186	19.651.550
	2.205.622.839	1.489.218.994

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	12.738.239.186	10.725.846.462
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất	19.013.141.088	19.013.141.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.690.461.021	2.619.236.647
Chi phí dịch vụ quản lý	2.414.245.185	2.011.701.519
Chi phí nghiên cứu và phát triển	221.431.006	380.833.860
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	163.270.226	91.458.018
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.533.324.324	3.915.690.881
	41.774.112.036	38.757.908.475

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	416.222.709.377	360.494.273.089
Chi phí nhân viên	57.212.721.253	47.190.812.444
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất	19.013.141.088	19.013.141.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.279.453.647	34.127.183.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.059.588.398	110.961.995.586
Chi phí khác	15.163.975.072	14.864.037.178

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	33.137.740.843	14.958.505.067
Dự phòng thiếu trong năm trước	-	5.075.051.177
	33.137.740.843	20.033.556.244
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(3.698.467.079)	2.084.475.109
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(6.442.937)	(1.534.054.839)
	(3.704.910.016)	550.420.270
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	29.432.830.827	20.583.976.514

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	188.635.551.162	101.424.114.494
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	37.727.110.233	20.284.822.899
Chi phí không được khấu trừ thuế	553.359.127	467.497.856
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(6.442.937)	(1.534.054.839)
Ưu đãi thuế cho dự án đầu tư mở rộng	(9.320.336.366)	(4.285.982.030)
Dự phòng thiếu trong năm trước	-	5.075.051.177
	28.953.690.057	20.007.335.063
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	479.140.770	576.641.451
	29.432.830.827	20.583.976.514

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp tại mức thuế suất thông thường là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngoài ra, Công ty có dự án mở rộng thuộc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các điều khoản của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và đáp ứng một trong các tiêu chí theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96/2015/TT-BTC, và do đó Công ty được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế đối với phần thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư mở rộng có thu nhập chịu thuế; và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chứng từ xác định giá trị thị trường trong giao dịch kinh doanh với các bên liên quan và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2019 VND	2018 VND	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ				
Công ty Cổ phần				
Hàng tiêu dùng Masan				
▪ Bán hàng hóa	629.899.517.964	352.331.601.600	218.196.622.572	50.454.047.341
▪ Mua hàng hóa	4.138.651.800	442.606.137	-	-
Các bên liên quan				
Công ty TNHH Một Thành viên				
Công nghiệp Masan				
▪ Bán hàng hóa	30.857.400	67.407.900	-	-
▪ Mua hàng hóa	19.531.308.003	28.071.664.235	(3.808.066.598)	(5.410.614.754)
▪ Mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	934.568.192	-	-
▪ Phí hỗ trợ quản lý	1.222.774.601	2.042.343.578	(1.341.755.377)	(2.246.577.936)
Công ty TNHH Một Thành viên				
Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến				
▪ Bán hàng hóa	-	11.804.800	-	-
▪ Mua hàng hóa	13.961.840	2.873.000	-	-
▪ Mua tài sản cố định	30.000.000	-	-	-
▪ Mua dịch vụ	31.035.306.600	30.801.096.190	(7.335.316.010)	(10.985.706.600)
▪ Phí hỗ trợ quản lý	2.414.245.185	2.011.701.519	(2.635.319.454)	(2.212.871.671)
Công ty Cổ phần				
VinaCafé Biên Hòa				
▪ Bán dịch vụ	74.163.238.704	98.671.200.000	25.595.033.587	34.246.994.866
▪ Bán hàng hóa	135.225.318.819	195.937.259.989	54.170.470.455	28.134.478.637
▪ Mua hàng hóa	20.042.719.830	36.471.500	-	-
Công ty Cổ phần				
Nước khoáng Quảng Ninh				
▪ Mua hàng hóa	-	372.316.704	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên				
Masan Brewery Distribution				
▪ Mua hàng hóa	73.598.182	169.320.001	-	-

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2019 VND	2018 VND	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Một Thành viên				
Masan Jinju				
▪ Mua tài sản cố định	2.927.926.073	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên				
Masan MB				
▪ Bán hàng hóa	15.180.330	-	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo điều khoản giao dịch thông thường.

Ngày 7 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Voong Sau Nhoc
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Trọng Hiền
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính thưa: Các quý vị cổ đông,

1. Tình hình kinh doanh và những thành tựu chính Công ty đã đạt được trong năm 2019:

Năm 2019 tiếp tục là một năm nhiều thành công của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) được thể hiện như sau:

- Doanh thu thuần: 843 tỷ đồng, tăng trưởng 23,1% so với năm 2018, đạt 99% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu của Công ty: 159 tỷ đồng, bằng 197% so với năm 2018, vượt 44,7% so với kế hoạch.

Nhìn chung, trong năm 2019, nhờ kết quả của việc hiện đại hóa máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, đầu tư phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu để phát triển danh mục các sản phẩm mới mang tính ổn định, lâu dài trong các năm trước đây, cùng với sự tương tác kinh doanh với các công ty trong cùng Tập đoàn, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đặt ra trong năm 2019 ở mức cao.

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2019:

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:

- Giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
- Quyết định việc cơ cấu lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của Công ty, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;
- Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị hoạt động không có thù lao.
- Các quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty được ban hành trong năm 2019:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	01/2019/NQ-HĐQT	04/01/2019	Phê duyệt đầu tư mở rộng xây dựng hạ tầng mỏ VH1-711B
2.	02/2019/NQ-HĐQT	13/02/2019	Phê duyệt đầu tư mở rộng nhà máy Vĩnh Hảo.
3.	03/2019/NQ-HĐQT	25/03/2019	Phê duyệt việc chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị tất cả các vấn đề liên quan.

4.	04/2019/NQ-HĐQT	09/4/2019	Phê duyệt việc đầu tư thêm dây chuyền sản xuất.
----	-----------------	-----------	---

3. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

- Tổng Giám đốc và Ban điều hành của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty;
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã kịp thời cập nhật tình hình, đưa ra các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị phương án giải quyết;
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội đồng Quản trị;
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoạt động tích cực, vận dụng hiệu quả các nguồn lực kinh doanh của Công ty.

4. Mục tiêu hoạt động năm 2020:

Trong năm 2020, cùng với bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, cộng với sự thiếu hụt nguồn nước trong giai đoạn phát triển sắp tới, tình hình kinh doanh của Công ty cũng được dự báo có nhiều thách thức. Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty xây dựng mục tiêu hoạt động năm 2020 như sau:

- Dự kiến năm 2020, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa máy móc thiết bị tại các nhà máy của Công ty; đồng thời với việc đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị của công ty con nhằm giảm tổn thất nguyên vật liệu, điện, nước, chi phí vận chuyển.
- Trong năm 2020, Công ty sẽ tìm kiếm các nguồn nước mới, nhằm tăng cường lượng nước khoáng, mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Năm 2020, Công ty tiếp tục mở rộng phân phối trên toàn quốc, tạo nền tảng sức mạnh cho nhãn hiệu nước khoáng số 1 Việt Nam, đồng thời với việc tập trung vào các thị trường trọng điểm.
- Năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện phương thức bán hàng qua hệ thống phân phối của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, nhằm tăng cường sự hiệp lực dựa trên nền tảng vận hành của Masan Group và MasanConsumerHoldings, mang lại lợi ích kinh tế và chiến lược cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
- Năm 2020, Công ty sẽ tung ra các sản phẩm mới được phát triển trên nền khoáng quý Vĩnh Hảo cũng như phát triển các sản phẩm chủ lực với hai tiêu chí cốt lõi: vừa tốt cho sức khỏe người tiêu dùng và vừa giải khát sảng khoái.

Chúng tôi tin rằng với đội ngũ nhân lực tài năng, nhiều kinh nghiệm và đầy tâm huyết, chúng ta sẽ đạt được những mục tiêu kinh doanh trong năm 2020.

Xin cảm ơn.

Tỉnh Bình Thuận, ngày 08 tháng 06 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký, đóng dấu)

PHẠM HỒNG SƠN



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận.

ĐT: 0252 3739106 Fax: 0252 3739108 website: www.vinhhao.com.vn

Tỉnh Bình Thuận, ngày 08 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

- Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“**Công ty**” hoặc “**Vĩnh Hảo**”);
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG;

Ban Kiểm Soát xin báo cáo trước Đại Hội Đồng Cổ Đông kết quả thẩm định tình hình tài chính Công ty năm 2019 và công tác quản lý Công ty của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong năm 2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện:

1. Tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc (TGD) liên quan đến việc tuân thủ các qui định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty.
2. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2019;
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
4. Xem xét Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ của Công ty năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.
5. Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để xem xét các hoạt động liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị công ty theo quy định. Cũng như hoạt động của HĐQT, năm 2019 thành viên Ban kiểm soát không nhận thù lao và hoạt động của Ban kiểm soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2019:

1. Bảng cân đối kế toán Hợp nhất:

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110+ 130+ 140+ 150)	100		465.488.978.660	316.058.556.934
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	125.430.190.593	148.259.253.808
Tiền	111		2.430.190.593	2.259.253.808
Các khoản tương đương tiền	112		123.000.000.000	146.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		308.455.753.344	133.766.533.690
Phải thu của khách hàng	131	5	298.022.928.665	113.084.879.221
Trả trước cho người bán	132		8.934.125.564	18.847.615.619
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(a)	1.498.699.115	1.834.038.850
Hàng tồn kho	140	7	29.512.533.899	32.183.539.930
Hàng tồn kho	141		30.375.654.308	34.399.159.065
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(863.120.409)	(2.215.619.135)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.090.500.824	1.849.229.506
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		653.604.327	417.518.787
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.436.896.497	1.431.710.719
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		498.177.753.871	508.769.869.828
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.689.037.925	1.408.926.791
Phải thu dài hạn khác	216	6(b)	3.689.037.925	1.408.926.791
Tài sản cố định	220		478.256.766.422	485.205.184.068
Tài sản cố định hữu hình	221	8	197.455.834.437	184.641.814.909
Nguyên giá	222		403.309.281.186	362.383.359.102
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(205.853.446.749)	(177.741.544.193)
Tài sản cố định vô hình	227	9	280.800.931.985	300.563.369.159
Nguyên giá	228		368.051.188.068	368.237.660.068
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.250.256.083)	(67.674.290.909)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.201.585.722	11.589.626.552
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	5.201.585.722	11.589.626.552
Tài sản dài hạn khác	260		11.030.363.802	10.566.132.417
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.554.745.574	9.992.795.985
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	475.618.228	573.336.432
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		963.666.732.531	824.828.426.762

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		160.816.395.197	181.180.809.763
Nợ ngắn hạn	310		80.739.917.472	93.836.291.896
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	36.518.523.028	47.812.884.486
Người mua trả tiền trước	312		22.888.107	79.270.242
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	20.036.039.499	19.584.225.082
Chi phí phải trả	315	15	22.318.800.525	14.283.648.428
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.086.956.297	1.281.498.370
Vay ngắn hạn	320	17	-	10.038.055.272
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		756.710.016	756.710.016
Nợ dài hạn	330		80.076.477.725	87.344.517.867
Phải trả người bán dài hạn	331	13	31.012.774.000	34.357.772.000
Phải trả dài hạn khác	337		218.434.000	218.434.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	12	45.821.195.397	49.623.823.617
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.024.074.328	3.144.488.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	18	802.850.337.334	643.647.616.999
Vốn chủ sở hữu	410	18	802.850.337.334	643.647.616.999
Vốn cổ phần	411	19	131.000.000.000	131.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	14.208.000.000	14.208.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.756.439.018	1.756.439.018
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		655.882.377.372	496.679.285.497
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		496.679.285.497	415.838.768.751
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		159.203.091.875	80.840.516.746
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.520.944	3.892.484
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		963.666.732.531	824.828.426.762

2/. Kết quả kinh doanh Hợp nhất:

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	845.396.351.190	688.461.004.059
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	2.263.890.751	3.214.944.133
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	843.132.460.439	685.246.059.926
Giá vốn hàng bán	11	22	607.075.436.915	542.066.864.113
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		236.057.023.524	143.179.195.813
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.910.737.547	4.938.001.861
Chi phí tài chính	22	24	2.205.622.839	1.489.218.994
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.023.723.653	1.469.567.444
Chi phí bán hàng	25		7.102.039.884	5.826.670.028
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	41.774.112.036	38.757.908.475
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		188.885.986.312	102.043.400.177
Thu nhập khác	31		237.000.427	344.092.182
Chi phí khác	32		487.435.577	963.377.865
Kết quả từ các hoạt động khác(40 = 31-32)	40		(250.435.150)	(619.285.683)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		188.635.551.162	101.424.114.494
Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	27	33.137.740.843	20.033.556.244
(Lợi ích)/ chi phí thuế TNDN – hoãn lại	52	27	(3.704.910.016)	550.420.270
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		159.202.720.335	80.840.137.980
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		159.203.091.875	80.840.516.746
Cổ đông không kiểm soát	62		(371.540)	(378.766)

III. NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÔNG TY CỦA HĐQT NĂM 2019:

- Năm 2019, HĐQT cơ bản đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- HĐQT đã có những hoạt động chỉ đạo, phối hợp hiệu quả với TGD để giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IV. NHẬN XÉT CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2019:

1. Năm 2019, TGD đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời, hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; chủ động lập kế hoạch, điều hành sản xuất kinh doanh; củng cố bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty tinh gọn, hiệu quả.
2. Cùng với TGD, Ban điều hành Công ty có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động, tích cực trong tìm kiếm giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kết luận:

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2019 về cơ bản tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Trong năm 2019, Ban kiểm soát chưa tìm thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu;

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo năm 2020.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. Ban Kiểm Soát
Trưởng Ban**

(Đã ký, đóng dấu)

Lê Văn An



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
V/v: Kế hoạch kinh doanh năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khoá 13 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty như sau:

(Tỷ đồng)	Kế hoạch 2020	
	Thấp	Cao
Doanh thu thuần	600	700
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu của Công ty	70	100

Tỉnh Bình Thuận, ngày 08 tháng 06 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký, đóng dấu)

PHẠM HỒNG SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VINH HẢO***Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận**ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn***TỜ TRÌNH**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2019**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khoá 13 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và lợi nhuận giữ lại tính đến thời điểm 31/12/2019 như sau:

Đơn vị tính	VNĐ'000
Doanh thu thuần	843.132.460
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	188.635.551
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.137.741
(Lợi ích)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(3.704.910)
Tổng Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	159.202.720
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông vốn chủ sở hữu Công ty trong kỳ	159.203.092
Lợi nhuận giữ lại đầu kỳ	496.679.285
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của Công ty trong kỳ	159.203.092
Chia cổ tức trong kỳ	-
Trích lập quỹ	-
Lợi nhuận giữ lại cuối kỳ	655.882.377

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 0 đồng.
- Chia cổ tức: 0 đồng.

Đồng thời, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2020. Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2020, bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định thực hiện tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng cổ tức, thời gian, phương thức chi trả (nếu có).

Tỉnh Bình Thuận, ngày 08 tháng 06 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký, đóng dấu)

PHẠM HỒNG SƠN



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VINH HẢO

Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

ĐT: 0252 3852 069 Fax: 0252 3852 019 website: www.vinhhao.com.vn

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khoá 13 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020 của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Tỉnh Bình Thuận, ngày 08 tháng 06 năm 2020

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký, đóng dấu)

PHẠM HỒNG SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO**

Số:/2020/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 06 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 đã được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“**Công Ty**” hoặc “**Vĩnh Hảo**”);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty ngày 18/6/2020.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2019.
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công Ty và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc trong năm 2019.
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về công tác quản lý Công ty năm 2019 và định hướng phát triển Công Ty.
- Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Công Ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.
- Điều 5.** Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công Ty.

(Tỷ đồng)	Kế hoạch 2020	
	Thấp	Cao
Doanh thu thuần	600	700
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu của Công ty	70	100

- Điều 6.** Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2019 của Công ty.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 0 đồng.
 - Chia cổ tức: 0 đồng.

- Điều 7.** Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2020. Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2020, bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định thực hiện tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng cổ tức, thời gian, phương thức chi trả (nếu có).
- Điều 8.** Phê duyệt việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020 của Công ty là Công ty TNHH KPMG.
- Điều 9.** Phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020: 0 đồng.
- Điều 10.** Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
- Điều 11.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Hồng Sơn